

Số /QĐ-UBND

Hoàng Hóa, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Lưu,
huyện Hoàng Hóa đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng; Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng: số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn; Số 01/2021/TT-BXD ngày 18/5/2021 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Thanh Hóa: Quyết định số 1481/QĐ-UBND ngày 29/4/2020 về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070; Quyết định số 3731/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021, huyện Hoàng Hóa;

Văn bản tham gia ý kiến của các Sở, ngành cấp tỉnh: Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 5997/SGTVT-KHTC ngày 10/11/202; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 4781/SNN&PTNT-KHTC ngày 05/11/2022 V/v tham gia ý kiến về nội dung đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Lưu, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 787/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 của UBND huyện Hoàng Hóa về việc phê duyệt nhiệm vụ, dự toán lập quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Lưu, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế & Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 152/KTHT-BC ngày 11/5/2023 (kèm theo Văn bản 8647/SXD-QH ngày 21/11/2022 của Sở Xây dựng về việc ý kiến về hồ sơ Quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Lưu, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030; Tờ trình số 66/TTr-UBND ngày 08/5/2023 của UBND xã Hoàng Lưu kèm theo hồ sơ đồ án quy hoạch).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Lưu, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030 với nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án, phạm vi ranh giới lập quy hoạch:

a. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Lưu, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030.

b. Phạm vi và ranh giới lập quy hoạch:

Phạm vi không gian khu vực lập quy hoạch gồm toàn bộ địa giới hành chính xã Hoàng Lưu với tổng diện tích 585,35 ha. Ranh giới nghiên cứu lập quy hoạch cụ thể như sau:

- + Phía Bắc giáp xã Hoàng Thắng, Hoàng Ngọc;
- + Phía Đông giáp xã Hoàng Đông, Hoàng Ngọc;
- + Phía Nam giáp xã Hoàng Phong;
- + Phía Tây giáp xã Hoàng Thắng, Hoàng Thành.

2. Quan điểm, mục tiêu, tính chất lập quy hoạch

2.1. Quan điểm, mục tiêu

- Cụ thể hóa đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, tuân thủ định hướng phát triển kinh tế - xã hội huyện Hoàng Hoá đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quy hoạch phải mang tính kế thừa và phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương. Rà soát, bổ sung các quy hoạch đã và đang thực hiện trong đồ án quy hoạch chung xây dựng xã.

- Xác lập quỹ đất ở, quỹ đất xây dựng công trình công cộng và các quỹ đất về hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo sử dụng đất có hiệu quả gắn kết giữa hoạt động sản xuất, bảo vệ môi trường, an ninh quốc phòng.

- Gắn kết chặt chẽ với chương trình xây dựng nông thôn mới, các chương trình, mục tiêu, dự án khác đang triển khai trên địa bàn và gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tạo liên kết vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng sống, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

2.2. Tính chất chức năng của xã

- Tính chất, chức năng: Là trung tâm hành chính cấp xã thuộc huyện Hoàng Hoá. Với các chức năng chính: công nghiệp – xây dựng, dịch vụ thương mại.

- Kinh tế chủ đạo của xã: Phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp xây dựng, thương mại dịch vụ hướng tới đô thị.

3. Dự báo phát triển và các chỉ tiêu kỹ thuật

3.1. Dự báo quy mô dân số và lao động

- Dân số hiện trạng đến tháng 12/2021: 6.095 người.

Dân số dự báo cụ thể như sau:

+ Đến năm 2025: dân số toàn xã là 6.601 người;

+ Đến năm 2030: dân số toàn xã khoảng 7.217 người.

- Lao động và cơ cấu nghề nghiệp:

+ Đến năm 2025: Dự báo số người trong tuổi lao động chiếm 60% dân số toàn xã (khoảng 3.960 người), trong đó lao động trong ngành nông nghiệp khoảng 1.782 người, chiếm khoảng 45%, lao động trong các ngành nghề khác khoảng 1.908 người, chiếm khoảng 55%, trong đó lao động qua đào tạo đạt 70%.

+ Đến năm 2030: Dự báo số người trong tuổi lao động chiếm 60% dân số toàn xã (khoảng 4.330 người), trong đó lao động trong ngành nông nghiệp khoảng 1.732 người, chiếm khoảng 40%, lao động trong các ngành nghề khác khoảng 2.598 người, chiếm khoảng 60%, trong đó lao động qua đào tạo đạt 80%.

3.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

Thực hiện tuân thủ theo Quy định trong Quy định quản lý kèm theo đồ án Quy hoạch chung vùng huyện Hoàng Hóa tới năm 2040 và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng vùng nông thôn được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng và các văn bản có liên quan Áp dụng các chỉ tiêu cho khu vực nông thôn, cụ thể như sau:

- Các chỉ tiêu về điểm dân cư nông thôn quy hoạch mới

+ Đất ở: ≥ 25 m²/người;

+ Đất công trình công cộng và dịch vụ: ≥ 5 m²/người;

+ Đất cây xanh, mặt nước: ≥ 2 m²/người;

+ Đất giao thông và công trình hạ tầng kỹ thuật: ≥ 5 m²/người;

(Chỉ tiêu đất xây dựng trên không bao gồm đất bố trí các công trình hạ tầng thuộc cấp tỉnh, huyện)

- Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật

+ Cấp nước sinh hoạt: ≥ 60 lít/người/ngày-đêm;

+ Cấp điện sinh hoạt: ≥ 150 W/người/ngày/đêm; Chiếu sáng công cộng: tỷ lệ đường khu vực trung tâm xã được chiếu sáng $\geq 50\%$;

+ Nước thải sinh hoạt: $\geq 80\%$ lượng nước cấp;

+ Đất nghĩa trang, nghĩa địa: 0,05 ha/1000người).

+ Chất thải rắn sinh hoạt: 0,9 kg rác/người/ngày/đêm.

4. Phân khu chức năng, định hướng tổ chức không gian xã.

4.1. Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã

4. Phân khu chức năng, định hướng tổ chức không gian xã.

4.1. Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã

** Công sở xã*

Quy mô diện tích của trụ sở UBND xã có diện tích là 9.011 m² tại thôn Nghĩa Lập. Khu Công sở xã bố trí thành khu Trung tâm chính của xã, với các công trình: Trụ sở làm việc HĐND, UBND xã; các đoàn thể... Sân cầu lông, bóng chuyền, khuôn viên cây xanh. Công trình xây dựng và công trình phù trợ, phải thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn của nông thôn mới. Yêu cầu về kiến trúc:

- Tầng cao trung bình: 2-3 tầng.
- Mật độ xây dựng: 40% so với khu đất.
- Mật độ cây xanh: 30% so với khu đất

* Trụ sở Công an xã và nhà trực dân quân cơ động xã: Quy hoạch xây dựng trụ sở công an xã với tổng diện tích 2.000 m², tại vị trí thôn Nghĩa Phú. Yêu cầu về kiến trúc: Phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực đồng bằng, phù hợp với công trình ngành; chiều cao từ 1-3 tầng; Mật độ xây dựng $\leq 40\%$.

** Công trình văn hóa, thể thao*

- Trung tâm văn hóa xã: Được quy hoạch mới đảm bảo quy mô theo tiêu chí nông thôn mới nâng cao của tỉnh: Hội trường văn hóa đa năng: Hiện trạng nằm trong khuôn viên trụ sở UBND xã với diện tích 300 m². Trong kỳ quy hoạch giữ nguyên quy mô và vị trí như hiện trạng

- Sân thể thao xã: Để đáp ứng nhu cầu của người dân trong xã trong kỳ quy hoạch, giữ nguyên vị trí cũ, thu hồi một phần diện tích phục vụ xây dựng hệ thống giao thông và mở rộng sân thể thao xã về phía đông với diện tích là 5.300 m², tổng diện tích sân thể thao xã là 8.000 m².

Sân thể thao phổ thông, diện tích: ≥ 5000 m²;

Nhà luyện tập thi đấu kết hợp nhà văn hóa, diện tích: 200 – 300 m²;

Sân tập thể thao, số lượng: 3 – 5 sân.

Mua mới và tu sửa các trang thiết bị văn hoá, dụng cụ thể thao để đáp ứng nhu cầu, quy mô cho xã.

** Quy hoạch khuôn viên cây xanh*

Để đáp ứng nhu cầu của người dân trong xã trong kỳ quy hoạch, quy hoạch khu khuôn viên cây xanh, là khu vui chơi giải trí công cộng cho người già và trẻ em với diện tích là 0,38 ha, tại khu Công Lợn, thôn Phụng Ngô 2.

Mật độ xây dựng 5%.

** Công trình giáo dục*

- Trường mầm non: Giữ nguyên vị trí và mở rộng trường mầm non diện tích 3.000 m². Tổng diện tích đến 2030 là 7.450 m²; nâng cấp các công trình đảm bảo theo tiêu chí bộ giáo dục.

- Quy hoạch trường mầm non: Trường mầm non kết hợp kỹ năng EDUTECH với diện tích 1ha tại khu đồng Tây N29, thôn Phụng Ngô 2.

Mật độ xây dựng công trình:

- + *Diện tích xây dựng công trình:* 40% so với khu đất
- + *Diện tích sân vườn cây xanh:* 40% so với khu đất
- + *Diện tích giao thông nội bộ:* 20% so với khu đất
- *Trường tiểu học:* Giữ nguyên vị trí và mở rộng diện tích 2.100 m². Tổng diện tích S = 9.600 m², trong thời gian tới bố trí nâng cấp các công trình xây dựng và mua sắm thêm trang thiết bị, chỉnh trang khuôn viên cảnh quan.

Mật độ xây dựng công trình:

- + *Diện tích xây dựng công trình:* 40% so với khu đất
- + *Diện tích sân vườn cây xanh:* 30% so với khu đất
- + *Diện tích giao thông nội bộ:* 20% so với khu đất
- *Trường Trung học cơ sở:* Giữ nguyên vị trí và quy mô diện tích S = 7.800 m², trong thời gian tới bố trí nâng cấp các công trình xây dựng và mua sắm thêm trang thiết bị, chỉnh trang khuôn viên cảnh quan.

Mật độ xây dựng công trình:

- + *Diện tích xây dựng công trình:* 40% so với khu đất
- + *Diện tích sân vườn cây xanh:* 40% so với khu đất
- + *Diện tích giao thông nội bộ:* 20% so với khu đất
- * *Công trình y tế*
- Giữ nguyên hiện trạng trạm y tế tại thôn Phụng Ngô 2. Trong kỳ quy hoạch cần cải tạo, xây mới lại các phòng ban về diện tích, cơ cấu phòng sử dụng.
- Quy hoạch phòng khám đa khoa: Diện tích 2.900 m², tại khu Đồng Cái Chợ, thôn Nghĩa Phú.

- Mật độ xây dựng:

- + *Diện tích xây dựng công trình:* 40% so với khu đất
- + *Diện tích cây xanh:* 30% so với khu đất.
- + *Trang bị thêm các thiết bị y tế hiện đại cho công tác khám và chữa trị phục vụ tốt cho nhu cầu của nhân dân.*

* *Công trình khác*

- *Bưu điện:* Giữ nguyên hiện trạng tại thôn Nghĩa Phú với quy mô diện tích S = 271 m²; tầng cao TB: 1 tầng; Mật độ xây dựng trung bình: 75%.

- *Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ:* Diện tích 200 m², nằm trong khu công sở xã, giữ nguyên vị trí.

- *Quy hoạch đất công cộng,* diện tích 5 ha, tại khu đồng Mã Nông, thôn Nghĩa Phú;

5.2. Định hướng tổ chức và cải tạo khu dân cư

Trên cơ sở 6 thôn hiện nay xác định được giữ nguyên vị trí từng thôn và được yêu cầu chỉnh trang, cải tạo và phát triển cùng với sự bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho quá trình CNH-HĐH nông nghiệp nông thôn nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

Căn cứ nhu cầu tăng dân số đến năm 2030, dự kiến quy hoạch tổng diện tích khu dân cư mới trên địa bàn xã là 13,67 ha.

| TT | Hạng mục | Vị trí | Diện tích (ha) |
|----|----------------------|-----------------------|----------------|
| | Tổng | | 13,67 |
| 1 | Khu dân cư Phụng Khê | Đồng Cồn Kén, Hàn Vài | 0,38 |
| 2 | Khu dân cư Phụng Khê | Đồng Cồn Kén, Hàn Vài | 1,00 |
| 3 | Khu dân cư Phụng Khê | Đồng Hàn Nứa | 0,45 |
| 4 | Khu dân cư Phụng Khê | Đồng Chùa | 3,46 |
| 5 | Khu dân cư Nghĩa Lập | Đồng Báu | 3,40 |
| 6 | Khu dân cư Nghĩa Lập | Đồng Báu | 2,00 |
| 7 | Khu dân cư Nghĩa Lập | Đồng Báu | 1,28 |
| 8 | Khu dân cư Nghĩa Phú | Đồng Nam Mã Nông | 0,70 |
| 9 | Khu dân cư Nghĩa Phú | Đồng Nam Mã Nông | 0,88 |
| 10 | Khu dân cư Phục Lễ | Đồng Cửu Thắng | 0,50 |

5.3. Định hướng các công trình hạ tầng xã hội:

* Nhà văn hóa, sân thể thao thôn:

+ Ưu tiên bố trí quỹ đất nhà văn hóa kết hợp với sân thể thao thôn, nhằm thuận lợi trong quá trình quản lý, vận hành và tổ chức các hoạt động cộng đồng được đồng bộ, liên hoàn. Việc sắp xếp, bố trí quỹ đất dành cho các hoạt động này do QHCT hoặc dự án đầu tư quyết định, trong đó yêu cầu:

+ Theo tiêu chí nông thôn mới nâng cao của tỉnh: Quy mô đất nhà văn hóa từ 300m², quy mô sân thể thao từ 500m², sân bóng đá từ 4.050m² (kích thước tối thiểu 45m x 90m).

+ Yêu cầu về kiến trúc: Phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực đồng bằng, phù hợp với công trình văn hóa, các thiết chế văn hóa; chiều cao từ 1-3 tầng; Mật độ xây dựng khu xây dựng mới ≤40%, khu vực cũ ≤60%.

+ Giữ nguyên vị trí và mở rộng diện tích các nhà văn hóa thôn: Phụng Ngô 1 (diện tích 1.700 m²), Phụng Ngô 2, Nghĩa Lập (diện tích 1.000 m²), và Phục Lễ (diện tích 1.100 m²): Cần đầu tư nâng cấp về cơ sở vật chất cũng như trang thiết bị để đạt chuẩn trong thời gian tới.

+ Quy hoạch nhà văn hóa thôn Phụng Khê với diện tích 2.300 m², cạnh sân thể thao thôn cũ.

+ Quy hoạch sân thể thao thôn Phụng Khê với diện tích 2.000 m²;

+ Mở rộng sân thể thao thôn Phụng Ngô 1 với diện tích 2.100 m²;

+ Mở rộng sân thể thao thôn Nghĩa Lập với diện tích 1.500 m²;

+ Mở rộng sân thể thao thôn Nghĩa Phú với diện tích 1.500 m²;

* Quy hoạch chợ nông thôn

Giữ nguyên hiện trạng chợ tại thôn Nghĩa Phú, diện tích 5.400 m² đã đảm bảo theo Quy chuẩn 01:2021/BXD (tối thiểu 1.500 m²/chợ).

- Mật độ xây dựng:

+ Diện tích xây dựng chợ chính: 40% so với khu đất

- + Diện tích mua bán ngoài trời: 25% so với khu đất
- + Diện tích đường đi và bãi để xe: 25% so với khu đất
- + Diện tích sân vườn cây xanh: 10% so với khu đất
- * Công trình tôn giáo, tín ngưỡng

Trong kỳ quy hoạch khôi phục lại Đình Làng thôn Phục Lễ với diện tích khu đất 0,15 ha (tại khu Đồng Cửu Thắng);

Mở rộng Đình Làng thôn Phụng Ngộ với diện tích 0,06 ha (tại khu Đồng Hàn Đa);

Mở rộng chùa Trào Âm với diện tích 0,06 ha (phía nam chùa cũ);

Quy hoạch nhà thờ Tướng Quân Tổng Mã (Nguyễn Hữu Cầu) tại khu Cồn Ná thôn Phục Lễ với diện tích 0,20 ha.

5.4. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất kinh doanh, dịch vụ thương mại:

- Khu SXKD thôn Phụng Khê với quy mô diện tích 2,33 ha, tại khu Hàn Nứa thôn Phụng Khê;

- Mở rộng cửa hàng sản xuất trưng bày, kho mua nông sản Xuân Minh, với diện tích 0,67 ha, tại khu Mã Phủ thôn Phụng Ngộ 1;

- Khu SXKD với tổng diện tích 11,15 ha, tại khu Đồng Báu thôn Phụng Ngộ 2;

Quy hoạch khu dịch vụ thương mại tại các khu vực sau:

- Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn kết hợp đất hợp tác xã, diện tích 0,81 ha, khu Đồng Bình, thôn Phụng Ngộ 1.

- Khu DVTM dọc đường bộ Ven Biển, diện tích 4,53 ha, khu Đồng Báu, thôn Phụng Ngộ 1;

- Khu DVTM, diện tích 3,95 ha, khu Đồng Chùa, thôn Phụng Ngộ 2;

- Khu DVTM, diện tích 1,20 ha, khu Đồng Báu, thôn Nghĩa Lập;

- Khu DVTM, diện tích 1,55 ha, khu Đồng Tây N29, thôn Phục Lễ;

- Khu DVTM tổng hợp và sản xuất, diện tích 1,92 ha, khu Đồng Tây Phụng, thôn Phục Lễ;

5.5. Khu sản xuất nông nghiệp:

- Vùng sản xuất rau an toàn, diện tích 1,80 ha, khu Đồng Bàn Phụng Ngộ 2;

- Vùng sản xuất rau an toàn, diện tích 2,22 ha, khu Đồng Bàn Phụng Ngộ 2;

- Quy hoạch 2 vùng nông nghiệp công nghệ cao tại khu vực Đồng Tây Hùng thôn Nghĩa Lập, với diện tích 6,60 ha;

- Quy hoạch 02 khu nuôi trồng thủy sản, bao gồm:

+ Thôn Nghĩa Lập với diện tích 1,73 ha.

+ Thôn Nghĩa Phú với diện tích 0,59 ha.

- Đất nông trại giáo dục thôn Phụng Ngộ 2 với tổng diện tích 4,65 ha.

6. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ

sản xuất, công trình đầu mối

6.1. Công trình hạ tầng sản xuất.

- Hệ thống giao thông nội đồng: Trong giai đoạn tới cần nâng cấp, tu sửa các tuyến đường xuống cấp nhằm phục vụ tốt nhu cầu sản xuất cho người dân.

- Hệ thống thủy lợi: Đến năm 2030 nâng cấp, nắn tuyến, nạo vét các tuyến kênh mương chính đảm bảo nhu cầu cấp nước sản xuất và tiêu thoát nước trên địa bàn xã như kênh N24, kênh tiêu Thành Châu, kênh N29A, kênh N24.8... . Đối với các tuyến kênh còn lại trong giai đoạn ngắn hạn cần nạo vét khơi thông dòng chảy đảm bảo nhu cầu cấp nước sản xuất và tiêu thoát nước trên địa bàn xã.

- Hiện tại xã có 01 trạm bơm tưới Tây Loan, trong kỳ quy hoạch cần tu bổ.

6.2. Công trình hạ tầng kỹ thuật.

6.2.1. Hệ thống giao thông.

a. Hệ thống giao thông đối ngoại.

- Đường quốc lộ:

+ Tuyến đường Quốc lộ 10 cải dịch: Quy hoạch mới có chiều dài 229m, quy mô: Bn=53m, Bm= 8m x 2, GPC 5m, đường gom 7,5m x 2, PC 3m x 2, vỉa hè 5,5m x 2.

+ Tuyến Đường bộ Ven biển: Quy hoạch mới chiều dài 980m, quy mô: Bn=48m, Bm=10,5m x 2, GPC 1m, đường gom 7,5m x 2, PC 0,5m x 2, vỉa hè 5m x 2.

- Đường huyện lộ:

+ Tuyến đường Thịnh Đông: chiều dài 1,687 km, đã đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành quy mô Bn=44m, Bm=10,5m x 2, GPC 5m, vỉa hè 9m x 2.

+ Nâng cấp, đồng bộ tuyến đường huyện ĐH-HH.25 với tổng chiều dài 305m với quy mô Bn= 20,5m; Bm= 10,5m.

+ Quy hoạch đường QH.ĐH-HH.25 tiếp nối hướng tuyến ĐH-HH.25 tới giao với đường bộ ven biển, hướng tuyến tiếp nối ĐH-HH.25

Quy mô Bn= 20,5m; Bm= 10,5m.

+ Đồng bộ hiện trạng các tuyến đường huyện ĐH-HH.16 chiều dài 1285m và ĐH-HH.32 chiều dài 1380m đi qua khu vực xã.

Quy mô đường Bn= 27,5m; Bm= 17,5m, vỉa hè 5m x 2.

+Xây dựng mới tuyến đường QH.ĐH-HH 16 (Đ.Thắng- Lưu) kéo dài nối tới đường bộ ven biển, tổng chiều dài 1165m.

Quy mô đường Bn= 27,5m; Bm= 17,5m, vỉa hè 5m x 2.

b. Đường giao thông đối nội:

- **Đường trục xã:** Dự kiến đến năm 2030 nâng cấp, mở rộng các tuyến đường xã hiện có với tiêu chuẩn mặt cắt ngang tối thiểu lòng đường 7,5m, nền đường 17,5m và xây dựng mới 03 tuyến, tổng chiều dài khoảng 6,0km, quy chuẩn mặt cắt ngang như sau: Lòng đường: 7,5-10,5m; Nền đường 17,5– 20,5m.

- **Đường trục thôn:** Tổng chiều dài 7,785 km, dự kiến đến năm 2030 cần

cứng hóa 100% các tuyến đường trục thôn, liên thôn, quy mô đường đạt: Lòng đường tối thiểu: 5,0m; lề đường: 5m; nền đường: 17,5m.

6.2.2. Cấp điện.

Hiện tại xã có 10 trạm biến áp với tổng công suất là 2.990 KVA nằm ở hầu hết các thôn. Về công suất thiết kế cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng điện của nhân dân trong xã. Trong kỳ quy hoạch giữ nguyên các trạm biến áp tuy nhiên quy hoạch đến năm 2030 sẽ bố trí thêm các trạm biến áp tùy thuộc vào các dự án khu dân cư và sản xuất nhằm đáp ứng đủ nhu cầu sinh hoạt của người dân.

+ Lưới điện

Trên địa bàn xã sử dụng hệ thống điện ngầm cho toàn khu, đảm bảo an toàn và kinh tế đầu tư.

Các tuyến đường được chiếu sáng bằng dây đèn bố trí một bên dùng đèn cao áp bóng Sodium công suất 150W- 220V, độ chói trung bình đạt 0,8-1 Cd/m².

+ Hệ thống đèn chiếu sáng được điều khiển bằng tủ điện chiếu sáng trọn bộ, tủ điều khiển này được lập trình điều khiển đóng cắt hệ thống đèn theo thời gian định trước.

6.2.3. Hạ tầng viễn thông thụ động

Hiện tại trên địa bàn xã đã có 04 trạm phát sóng của các nhà mạng: Viettel, Vinaphone, nằm tập trung ở các thôn Nghĩa Lập (2TPS); thôn Phương Ngô 1 (1TPS); thôn Phục Lễ (1TPS). Các trạm phát sóng đã được đầu tư xây dựng kiên cố, phủ sóng toàn bộ các khu vực dân cư trên toàn xã, đường truyền ổn định, cơ bản đã đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng mạng viễn thông của nhân dân.

Trong thời gian tới, do nhu cầu sử dụng mạng viễn thông tăng đáng kể cùng với sự phát triển của công nghệ điện tử, cần nâng cấp và hoàn thiện hệ thống viễn thông để đảm bảo cung cấp dịch vụ tốt nhất cho nhân dân.

Đối với các hệ thống cáp viễn thông hiện hữu, thực hiện cải tạo, chỉnh trang đảm bảo mỹ quan và an toàn cho người dân theo lộ trình:

- + Loại bỏ các đường dây cáp, sợi cáp không còn sử dụng;
- + Thực hiện buộc gọn, gia cố hệ thống dây cáp;
- + Hạ ngầm các tuyến cáp treo thuộc các khu vực, tuyến hướng theo quy hoạch phải ngầm hóa mạng cáp;
- + Loại bỏ hoặc hạ ngầm các tuyến cáp treo tại các ngã tư, nút giao thông và tuyến cáp cắt ngang qua đường giao thông.

6.2.4. Hệ thống cấp nước.

Nguồn nước dùng trong sinh hoạt lấy từ nhà máy cấp nước xã Hoàng Đồng và nhà máy nước Hoàng Thái.

- Các đường ống dẫn nước được bố trí trên vỉa hè trên các tuyến đường tỉnh lộ, huyện lộ và được trục xã, trục thôn để thuận tiện cho việc quản lý sau này.

- Các đường ống dẫn nước đến các hộ dân được bố trí trên vỉa hè trên các tuyến được trục thôn, ngõ xóm được kết nối với các ống đường trục chính.

* Hệ thống đường ống cấp nước được thiết kế mạng đường ống cụt, với

các đường ống chính của từng khu vực sẽ đi ngầm dưới vỉa hè, với tiết diện đường ống D300. Mỗi cụm dân cư nhỏ sử dụng chung một đường ống nhánh với tiết diện D75-110. Hệ thống cấp nước chữa cháy được thiết kế sử dụng chung mạng lưới với mạng cấp nước sinh hoạt. Họng cứu hoả được đặt cách nhau trung bình 150m tại khu vực trung tâm, cách mép vỉa hè không quá 2,5m.

6.2.5. Công trình hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường.

* *Thoát nước mặt*: Phần lớn lưu lượng nước được thu gom về hệ thống kênh tiêu kênh N24, kênh N29 A, kênh Phong Châu ...vậy thời gian tới khi tu bổ, cải dịch hướng tuyến của hai kênh này, cần đảm bảo thường xuyên nạo vét, khơi thông dòng chảy đảm bảo tiêu nước cho đồng ruộng; các đoạn kênh mở mới có tính toán bề rộng đáp ứng lượng tiêu thoát nước mưa và tình hình biến đổi khí hậu hiện nay.

** Thoát nước thải*

- Nước thải từ các hộ gia đình trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung phải được xử lý qua bể tự hoại. Không được xả nước thải ra các ao hồ, kênh, rạch tự nhiên trừ trường hợp áp dụng công nghệ làm sạch nước thải bằng phương pháp sinh học trong điều kiện tự nhiên;

- Nước thải từ cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp, làng nghề phải được thu gom ra hệ thống tiêu thoát riêng và xử lý đạt yêu cầu về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận;

- Giai đoạn đến năm 2030: Tối thiểu phải thu gom đạt 80% lượng nước thải phát sinh để xử lý.

- Hệ thống thoát nước thải được định hướng thiết kế chạy dọc theo các tuyến giao thông trong khu vực lập quy hoạch và đổ về khu vực sơ lắng tự nhiên (Khu vực dự trữ xây trạm xử lý nước thải - Quy hoạch khu xử lý nước thải tại khu Đồng Báu thôn Nghĩa Lập với diện tích 2.100 m²) trước khi đổ ra hệ thống sông suối, ao hồ.

- Cống thoát nước thải lựa chọn cống tròn BTCT, tiết diện cống D300.

** Thu gom và xử lý chất thải rắn.*

- Chất thải rắn: Rác sẽ được thu gom hàng ngày:

- Khuyến khích và hướng dẫn nhân dân phân loại chất thải rắn (CTR) ngay tại nguồn thành 2 loại vô cơ và hữu cơ. Chất thải rắn được, sẽ được thu gom, vận chuyển CTR đến điểm thu gom tập kết rác thải của xã nằm ở thôn Phụng Khê sau đó vận chuyển lên khu xử lý chất thải rắn của huyện.

- Tại từng thôn, sẽ đầu tư thùng đựng CTR và xe đẩy tay để thu gom, vận chuyển CTR đến điểm thu gom tập kết rác thải và chuyển về khu xử lý rác tập trung của huyện (theo quy hoạch vùng huyện)

- Quy hoạch điểm thu gom rác thải sinh hoạt tại khu Đồng Nát thôn Phụng Khê với diện tích 500 m²).

** Nghĩa trang nhân dân*

- Nhu cầu đất nghĩa trang xã Hoàng Lưu đến năm 2030 bao gồm: Nhu cầu đất chôn cất mới; Nhu cầu đất để quy tập các khu mộ phải di chuyển để

phục vụ giải phóng mặt bằng khi thực hiện các dự án trên địa bàn; Nhu cầu đất để quy tập các khu mộ phải di chuyển theo định hướng quy hoạch.

- Quy hoạch hệ thống nghĩa trang:

+ Đối với hệ thống nghĩa trang hiện tại: Có giải pháp từng bước hạn chế mở rộng và tiến tới khoanh vùng, đóng cửa hoặc di dời (nếu cần thiết).

+ Giai đoạn sau kì quy hoạch: Đóng cửa các nghĩa trang hiện có, tập trung chôn cất tại nghĩa trang nhân dân theo định hướng quy hoạch vùng.

+ Khu vực các nghĩa trang hiện nay, sau khi đóng cửa, tổ chức xây tường rào, trồng cây xanh bảo vệ cảnh quan khu vực.

7. Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030

Căn cứ vào tiềm năng đất đai, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện Hoàng Hóa và các quy hoạch chi tiết trên địa bàn xã. Sau khi điều tra thu thập, xử lý và tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các quy hoạch chi tiết ngành, dự báo về nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 trên địa bàn xã cụ thể như sau:

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất

| TT | Chỉ tiêu sử dụng đất | Mã | Hiện trạng năm 2021 | | Quy hoạch năm 2025 | | Quy hoạch năm 2030 | |
|----------|---------------------------------------|-----|---------------------|--------------|--------------------|--------------|--------------------|--------------|
| | | | Diện tích (ha) | Cơ cấu (%) | Diện tích (ha) | Cơ cấu (%) | Diện tích (ha) | Cơ cấu (%) |
| | Tổng diện tích đất tự nhiên | | 585.35 | 100.0 | 585.35 | 100.0 | 585.35 | 100.0 |
| 1 | Đất nông nghiệp | | 421.59 | 72.02 | 379.51 | 64.83 | 313.62 | 53.58 |
| 2 | Đất xây dựng | | 153.06 | 26.15 | 195.72 | 33.44 | 259.51 | 44.71 |
| 2.1 | Đất ở tại nông thôn | ONT | 63.78 | 10.90 | 69.14 | 11.81 | 77.45 | 13.23 |
| 2.2 | Đất công cộng | | 4.83 | 0.83 | 6.04 | 1.03 | 12.27 | 2.10 |
| - | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | TSC | 0.9 | 0.15 | 0.9 | 0.15 | 0.9 | 0.15 |
| - | Đất xây dựng cơ sở văn hoá | DVH | 0.59 | 0.10 | 0.86 | 0.15 | 1.2 | 0.21 |
| - | Đất xây dựng cơ sở y tế | DYT | 0.33 | 0.06 | 0.62 | 0.11 | 0.62 | 0.11 |
| - | Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo | DGD | 2.09 | 0.36 | 3.60 | 0.62 | 3.60 | 0.62 |
| - | Đất chợ | DCH | 0.89 | 0.15 | 0.89 | 0.15 | 0.89 | 0.15 |
| - | Đất công trình năng lượng | DNL | | | 0.03 | 0.01 | 0.03 | 0.01 |
| - | Đất công trình bưu chính, viễn thông | DBV | 0.03 | 0.01 | 0.03 | 0.01 | 0.03 | 0.01 |
| - | Đất công trình công cộng khác | - | | | | | 5.00 | 0.85 |
| 2.3 | Đất cây xanh, thể dục, thể thao | | 0.99 | 0.17 | 2.94 | 0.50 | 2.94 | 0.50 |
| - | Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao | DTT | 0.99 | 0.17 | 1.49 | 0.25 | 2.1 | 0.36 |

| | | | | | | | | |
|----------|---|-----|-------------|-------------|--------------|-------------|--------------|-------------|
| - | Đất khu vui chơi, giải trí công cộng | DKV | | | 0.38 | 0.05 | 1.6 | 0.27 |
| 2.4 | Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, đình đền | | 1.45 | 0.25 | 1.87 | 0.32 | 2.07 | 0.35 |
| - | Đất cơ sở tôn giáo | TON | 0.03 | 0.01 | 0.03 | 0.01 | 0.03 | 0.01 |
| - | Đất cơ sở tín ngưỡng | TIN | 1.42 | 0.24 | 1.87 | 0.32 | 2.07 | 0.35 |
| 2.5 | Đất tiểu thủ công nghiệp và làng nghề | | 1.28 | 0.22 | 4.48 | 0.77 | 15.43 | 2.64 |
| - | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | SKC | 1.28 | 0.26 | 4.48 | 0.77 | 15.43 | 2.64 |
| 2.6 | Đất xây dựng các chức năng khác | | 1.53 | 0.26 | 7.59 | 1.30 | 15.49 | 3.14 |
| - | Đất cơ sở dịch vụ xã hội | DXH | | | 0.81 | 0.14 | 0.81 | 0.14 |
| - | Đất thương mại, dịch vụ | TMD | 1.53 | 0.26 | 6.78 | 1.16 | 14.68 | 2.51 |
| 2.7 | Đất hạ tầng kỹ thuật | | 79.2 | 13.53 | 102.99 | 17.59 | 140.65 | 24.03 |
| - | Đất giao thông | DGT | 67.43 | 11.52 | 90.91 | 15.53 | 126.43 | 21.60 |
| - | Đất thủy lợi | DTL | 7.41 | 1.27 | 7.36 | 1.26 | 7.36 | 1.26 |
| - | Đất bãi thải, xử lý chất thải | DRA | | | 0.05 | 0.01 | 0.05 | 0.01 |
| - | Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, | NTD | 4.36 | 0.74 | 4.72 | 0.81 | 6.86 | 1.17 |
| 2.8 | Đất hạ tầng phục vụ sản xuất | | | | 0.12 | 0.02 | 0.12 | 0.02 |
| 2.9 | Đất quốc phòng | CQP | | | 0.08 | 0.01 | 0.08 | 0.01 |
| 2.10 | Đất an ninh | CAN | | | 0.12 | 0.02 | 0.12 | 0.02 |
| 3 | Đất khác | | 10.7 | 1.83 | 10.67 | 1.82 | 10.67 | 1.82 |
| 3.1 | Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối | SON | 8.66 | 1.48 | 8.66 | 1.48 | 8.66 | 1.48 |
| 3.2 | Đất chưa sử dụng | CSD | 2.04 | 0.35 | 2.01 | 0.34 | 2.01 | 0.34 |

8. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư

8.1. Các dự án ưu tiên đầu tư

- Dự án nâng cấp, mở rộng các di tích lịch sử, văn hóa.
- Dự án nâng cấp nhà văn hóa, khu thể thao các thôn.
- Dự án mở rộng khuôn viên trường học và mua sắm trang thiết bị các trường mầm non, trường tiểu học và trường trung học cơ sở.
- Dự án xây dựng mới trụ sở công an xã.
- Dự án dựng mới nhà trực của dân quân cơ động xã
- Dự án đầu tư xây dựng các điểm dân cư nông thôn đối với các vị trí được xác định trong giai đoạn ngắn hạn.
- Dự án cải tạo nâng cấp các công trình vệ sinh trong khu dân cư.
- Dự án xây dựng hạ tầng phục vụ các khu vực sản xuất (đường giao

thông nội đồng, hệ thống thủy lợi, môi trường,...).

- Dự án xây dựng các khu trang trại sinh vật cảnh, trang trại trồng cây ăn quả kết hợp nuôi trồng thủy sản.

- Dự án khu nông nghiệp công nghệ cao.

- Dự án xây dựng vùng rau an toàn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã Hoàng Lưu có trách nhiệm:

- Hoàn thiện hồ sơ, đóng dấu bản vẽ và lưu trữ hồ sơ theo quy định;

- Tổ chức công bố, công khai rộng rãi nội dung đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Lưu, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030 để các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện.

- Phối hợp với các phòng, ban, ngành và các cơ quan có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện đúng quy hoạch được duyệt và các quy định hiện hành.

- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị khu vực trung tâm xã, tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ...) quản lý theo quy định.

2. Các phòng, ban, ngành cấp huyện và các đơn vị có liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp với UBND xã Hoàng Lưu tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND xã Hoàng Lưu và Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ (T/h);
- CT, các PCT UBND huyện (b/c)
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Hải